

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2024/DS-PT

Ngày: 30/5/2024

V/v *Tranh chấp di sản thừa kế*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tiến Hiệp

Các Thẩm phán: Bà Phạm Thị Bích Thủy

Ông Bùi Văn Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Mến – Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 07/2024/TLPT-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, về *“Tranh chấp di sản thừa kế”*. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 52/2024/QĐXXPT-DS ngày 06 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phạm Ngọc L, sinh năm 1995.

Cư trú tại: F18/54 Khu phố 7, phường CN, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc L: Ông Phạm Cao K, sinh năm 1981, cư trú tại: số 305, khu phố 3, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông L là ông Nguyễn Trịnh H7, sinh năm 1990, địa chỉ: Công ty Luật TNHH MTV PS, đường TĐ, tổ 98, khu phố 7, phường HT, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

Bị đơn: Bà Phạm Thị Cẩm V, sinh năm 1958, cư trú tại: Khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có mặt

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thu U, sinh năm 1979, cư trú tại: Khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt.

2. Ông Phạm Quốc H, sinh năm 1960 (có tài liệu ghi sinh năm 1958); cư trú tại: Khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

3. Ông Phạm Ngọc L (là nguyên đơn trong vụ án, ông L là con ruột của ông Phạm Ngọc D, chết ngày 21/12/2017, ông D là một trong các đồng thừa kế di sản của cụ L1).

4. Bà Phạm Ngọc L Th, sinh năm 1982, cư trú tại: Khu phố 2, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước (bà Th là con ruột của ông Phạm Ngọc D, chết ngày 21/12/2017, ông D là một trong các đồng thừa kế di sản của cụ L1). Vắng mặt.

5. Bà Phạm Ngọc Kim Th1, sinh năm 1987, cư trú tại: Khu phố 2, phường Phú C, thành phố TDM, tỉnh Bình Dương (bà Th1 là con ruột của ông Phạm Ngọc D, chết ngày 21/12/2017, ông D là một trong các đồng thừa kế di sản của cụ L1). Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Th1: Ông Phạm Cao K (cũng là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn).

6. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1962, cư trú tại: Khu phố 5, phường LP, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

7. Ông Phạm Quốc Đ, sinh năm 1970 (đã chết ngày 16/4/2021).

Nơi cư trú trước khi chết: Khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

Người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là: Ông Phạm Quốc C, sinh năm 1993, cư trú tại: Khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước. Có mặt.

8. Bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1965, cư trú tại: Ấp HB, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

9. Bà L Cẩm B, sinh năm 1970, cư trú tại: Ấp 1, xã BL, thành phố LK, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

10. Văn phòng Công chứng Huỳnh C (cũ) nay là Văn phòng Công chứng Ngọc H; địa chỉ: Thôn KK, xã PN, huyện BGM, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn – ông Phạm Ngọc L và phần trình bày của Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Cao K trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa:

Cụ Nguyễn Thị L1 (chết ngày 02/10/2017) là vợ của cụ Phạm Văn Tr (chết năm 1975). Cụ L1 và cụ Tr có 07 con chung gồm: Bà Phạm Thị Cẩm H3, sinh năm 1955, bà Phạm Thị Cẩm V, sinh năm 1958, ông Phạm Quốc H, sinh năm 1960, ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1962 (chết ngày 21/12/2017), ông Phạm Văn T, sinh năm 1962, ông Phạm Quốc Đ, sinh năm 1969 (đã chết ngày 16/4/2021), bà Phạm Thị Bích L, sinh năm 1965. Sau khi cụ Tr chết, cụ L1 sống tại thị trấn PB, huyện PL (cũ) nay là phường PB, thị xã PL cùng các con của cụ L1. Cụ L1 chết không để lại di chúc, di sản là 01 thửa đất có diện tích 9.353,5m² (140m² đất thổ cư, 9213.5m² đất trồng cây lâu năm) theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện PL (cũ) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị L1 ngày 13/9/2004, và tài sản trên đất.

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L1 gồm: Bà Phạm Thị Cẩm H3, bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích L. Cụ L1 không có con nuôi, bố mẹ ruột và cha bà L1 là ông Phạm Văn Tr đã chết trước cụ L1 từ lâu.

Ngày 21/12/2017, ông Phạm Ngọc D là con ruột cụ L1 chết. Ông Phạm Ngọc L là con ruột của ông Phạm Ngọc D và bà Nguyễn Thị Thúy Ng (ông D có 03 người con ruột là: bà Phạm Ngọc L Th, bà Phạm Ngọc Kim Th1, ông Phạm Ngọc L). Ông Phạm Ngọc D chết sau cụ L1 nên ông D được hưởng 01 phần di sản thừa kế theo pháp luật.

Ông Phạm Ngọc L khởi kiện yêu cầu xác định phần di sản của những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của bà Nguyễn Thị L1, buộc bà Phạm Thị Cẩm V phải trả lại phần di sản thừa kế của ông Phạm Ngọc D cho những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông D, trong đó có ông Phạm Ngọc L.

Tại đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/01/2021, ông Phạm Cao K - người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc L yêu cầu: Buộc bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Quốc Đ (là người đã phân chia và nhận di sản của cụ Nguyễn Thị L1) có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản mà ông L được hưởng từ ông Phạm Ngọc D theo quy định. Nguyên đơn chỉ yêu cầu phân chia diện tích đất, không yêu cầu về tài sản trên đất. Trong trường hợp bà V, ông H, ông T, ông Đ có người chết thì những người được hưởng thừa kế có nghĩa vụ hoàn lại trong phạm vi di sản mà họ được hưởng.

Tại phiên tòa, ông Phạm Cao Khải là người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Ngọc L trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, ông

Phạm Quốc Đ (là người đã phân chia và nhận di sản của bà Nguyễn Thị L1) có nghĩa vụ hoàn lại phần di sản mà ông L được hưởng từ ông Phạm Ngọc D theo quy định. Nguyên đơn chỉ yêu cầu phân chia diện tích đất, không yêu cầu về tài sản Tr đất. Giá trị thửa đất tranh chấp đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng kết quả định giá tài sản tại Chứng thư thẩm định giá số 119302012CTA00027 ngày 01/3/2022 của Công ty TNHH Tư vấn và định giá CT là 16.449.220.000 (mười sáu tỷ, bốn trăm bốn mươi chín triệu, hai trăm hai mươi nghìn) đồng.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông L là ông Nguyễn Trịnh H7 thống nhất với phần trình bày của ông Phạm Cao K. Tại phiên tòa ngày 27/7/2023, ông H7 đề nghị Tòa án không căn cứ vào Biên bản xác minh ngày 28/02/2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL để đánh giá tính hợp pháp của Chứng thư thẩm định giá số 119302012CTA00027 ngày 01/3/2022 của Công ty TNHH Tư vấn và định giá CT.

Theo trình bày của bị đơn – Bà Phạm Thị Cẩm V trong quá trình giải quyết vụ án:

Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 20/12/2019, bà Phạm Thị Cẩm V cho biết phần đất 11.788m² tọa lạc tại Khu phố PV, phường PB, TX PL, tỉnh Bình Phước là của cụ Nguyễn Thị L1 có được sau khi cụ Phạm Văn Tr chết năm 1975. Bà V cho biết khi cụ L1 còn sống đã chia đều phần đất này cho 06 người con (V, H, D, T, Đ, L). Phần ông D đã bán cho ông Phạm Văn T (em ruột ông D) nhưng sau này ông T làm ăn thua lỗ đã bán cho người khác. Phần đất còn lại gia đình vẫn đang sử dụng.

Bà Phạm Thị Cẩm V không biết bà Nguyễn Thị Thúy Nga và ông Phạm Ngọc L là ai nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L.

Tại bản tự khai đề ngày 23/11/2020, bà V đề nghị Tòa án không triệu tập bà V làm việc nữa vì sức khỏe bà V rất kém. Tại phiên tòa phúc thẩm bà V thừa nhận cụ L1 và cụ Tr có các con chung như nguyên đơn trình bày.

Theo trình bày của người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan - ông Phạm Văn T và bà Phạm Ngọc L Th trong quá trình giải quyết vụ án:

Tại Biên bản lấy lời khai đề ngày 20/12/2019, ông Phạm Văn T và bà Phạm Ngọc L Th thống nhất với ý kiến của bà Phạm Thị Cẩm V, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Ngọc L.

Theo trình bày của ông Phạm Cao Khải - Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ L quan - bà Phạm Ngọc Kim Th1 trong quá trình giải quyết vụ án:

Bà Th1 là con của ông Phạm Ngọc D với bà Trần Thị Xuân H4 (đã ly hôn), là 01 trong 03 người con hợp pháp của ông D nên bà Th1 tham gia chỉ để xác định phần di sản của mình trong khối tài sản ông D được hưởng từ cụ L1. Do bà Th1 không khởi kiện buộc những người thừa kế phải phân chia di sản cho mình nên trong vụ án bà Th1 chỉ tham gia để xác định phần di sản của mình, không có yêu cầu gì.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị Bích L (là con của cụ L1 và cụ Tr) đã được Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai triệu tập làm việc để ghi nhận ý kiến đối với vụ án (theo nội dung ủy thác của Tòa án nhân dân thị xã PL) nhưng bà L từ chối để Tòa án ghi lời khai vì cho rằng mình không liên quan đến vụ tranh chấp. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Thu U (là cháu ngoại của cụ L1, con bà H3, là một trong các đồng thừa kế tài sản của cụ L1 nhưng đã chết trước cụ L1), ông Phạm Quốc H, ông Phạm Quốc Đ (người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Đ là ông Phạm Quốc C), bà L Cẩm B (là người nhận chuyển nhượng một phần đất của cụ L1), đại diện theo pháp luật của Văn phòng Công chứng Ngọc Huy đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận ý kiến được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 39; các điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 615, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 100; Điều 167 Luật Đất đai 2013, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

TU xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Phạm Ngọc L về yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1. Di sản của cụ Nguyễn Thị L1 là thửa đất có diện tích 9.353,5m² (140m² đất thổ cư, 9213.5m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện PL (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L1 ngày 13/9/2004 có diện tích 11.788m² (chỉnh lý trang IV ngày 28/02/2005 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T 2.194m² tại thửa số 109^A và ngày 24/10/2008 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quốc Đ diện tích 60m² ODT + 180.5m² CLN).

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L1 là bà Nguyễn Thị Thu U, bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích L.

Buộc bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Phạm Quốc Đ là ông Phạm Quốc C có nghĩa vụ trả (thanh toán) lại cho ngU đơn ông Phạm Ngọc L tổng số tiền là 133.036.390 đồng. Bà V, ông H, ông T và ông C mỗi người có nghĩa vụ trả (thanh toán) lại cho ông Phạm Ngọc L số tiền là 33.259.000 (ba mươi ba triệu, hai trăm năm mươi chín nghìn) đồng

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về phần án phí, nghĩa vụ thi hành án, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 09/8/2023, ngU đơn ông Phạm Ngọc L đã kháng cáo Bản án số 19/2023/DSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước với nội dung đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sử dụng chứng thư định giá tài sản của Công ty TNHH tư vấn và định giá CT.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc C, ông Phạm Quốc H thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L1 và cụ Phạm Văn Tr có 7 người gồm: bà Phạm Thị Cẩm H3, bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích L. Di sản của cụ L1 là thửa đất có diện tích 9.353,5m² như nguyên đơn trình bày. Ngày 21/12/2017 ông D chết. Người thừa kế của ông D gồm bà Phạm Ngọc L Th, bà Phạm Ngọc Kim Th1, ông Phạm Ngọc L. Ngày 14/6/2021 ông Đ chết, người thừa kế của ông Đ là ông Phạm Quốc C. Ông L không nhận di sản bằng hiện vật mà yêu cầu bà V, ông T, ông C, ông H phải trả phần kỷ phần ông L được hưởng là 240.000.000 đồng (theo định giá mới của Hội đồng định giá do Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thành lập), phần di sản không thuộc phần thừa kế của ông L các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận, thống nhất về hàng thừa kế, di sản thừa kế và cách thức phân chia di sản thừa kế, cụ thể:

Hàng thừa kế thứ nhất của cụ Nguyễn Thị L1 với cụ Phạm Văn Tr có 7 người, gồm: bà Phạm Thị Cẩm H3 (đã chết sau cụ Tr, trước cụ L1), bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Ngọc D (chết ngày 21/12/2017), ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc Đ (chết ngày 14/6/2021), bà Phạm Thị Bích L. Di sản của cụ L1 là thửa đất có diện tích 9.353,5m² (140m² đất thổ cư, 9213.5m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện PL (cũ) cấp cho hộ cụ Nguyễn Thị L1 ngày 13/9/2004 có diện tích 11.788m² (chỉnh lý trang IV ngày 28/02/2005 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T 2.194m² tại thửa số 109^A và ngày 24/10/2008 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quốc Đ diện tích 60m² ODT + 180.5m² CLN). Ngày 21/12/2017 ông D chết không để lại di chúc. Người thừa kế của ông D gồm bà Phạm Ngọc L Th, bà Phạm Ngọc Kim Th1, ông Phạm Ngọc L. Ngày 14/6/2021 ông Đ chết không để lại di chúc, người thừa kế của ông Đ là ông Phạm Quốc C. Bà Phạm Thị Cẩm H3 chết trước cụ L1, người thừa kế thế vị của bà H3 là bà Nguyễn Thị Thu U (con ruột).

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Cao K, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn ông Nguyễn Trịnh H7, bị đơn Phạm Thị Cẩm V, những người có quyền lợi nghĩa vụ L quan ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Quốc C thỏa thuận giải quyết như sau: Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Quốc C mỗi người trả cho ông Phạm Ngọc L số tiền 60.000.000 đồng. Đây là giá trị kỷ phần mà ông L được hưởng từ di sản mà cụ L1 để lại nêu trên.

[2] Về chi phí tố tụng: Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Quốc C chịu 11.100.000 đồng bao gồm chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tại cấp sơ thẩm 5.000.000 đồng, chi phí định giá tại cấp phúc thẩm 6.100.000 đồng. Mỗi đương sự phải chịu 2.775.000 đồng. Số tiền này phía nguyên đơn đã tạm ứng trước, nên bà V, ông H, ông C, ông T phải hoàn lại cho nguyên đơn. Đối với chi phí định giá tại Công ty trách nhiệm hữu hạn tư vấn và định giá CT thì nguyên đơn tự nguyện chịu.

[3] Về án phí: các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử quyết định theo quy định của pháp luật.

[4] Xét thấy, các đương sự đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Việc thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái với đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, cần sửa Bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và được Hội đồng xét xử công nhận, nên cần sửa lại phần án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn;

Ông Phạm Quốc C phải chịu 3.000.000 đồng.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu.

[8] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ Tr;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 3 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Ngọc L, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2023/DSST ngày 27/7/2023 của Tòa án nhân dân thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể:

Di sản của cụ Nguyễn Thị L1 (chết ngày 02/7/2017) là quyền sử dụng thửa đất diện tích 9.353,5m² (140m² đất thổ cư, 9213.5m² đất trồng cây lâu năm) tọa lạc tại khu phố PV, phường PB, thị xã PL, tỉnh Bình Phước theo Giấy chứng nhận QSDĐ số 851/ĐS QSDĐ/UB do Ủy ban nhân dân huyện PL (cũ) cấp cho hộ bà Nguyễn Thị L1 ngày 13/9/2004 có diện tích 11.788m² thuộc thửa đất số 109, tờ bản đồ số 26 (chỉnh lý trang IV ngày 28/02/2005 chuyển nhượng cho ông Phạm Văn T 2.194m² tại thửa số 109^A và ngày 24/10/2008 chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phạm Quốc Đ diện tích 60m² ODT + 180.5m² CLN).

Người thừa kế của cụ Nguyễn Thị L1 gồm: bà Phạm Thị Cẩm H3, bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Ngọc D, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc Đ, bà Phạm Thị Bích L.

Ông Phạm Ngọc L là 1 trong 3 người thừa kế (chuyển tiếp) của ông Phạm Ngọc D (là 1 trong 7 người thừa kế di sản của cụ L1) không nhận di sản bằng hiện vật. Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Quốc C có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Ngọc L giá trị di sản là thửa đất nêu Tr của cụ L1 để lại, tương ứng với kỹ phần ông L được hưởng trong kỹ phần ông D được hưởng trong di sản của cụ Nguyễn Thị L1. Cụ thể, bà V, ông T, ông H, ông C mỗi người trả cho ông Phạm Ngọc L số tiền 60.000.000 (sáu mươi triệu) đồng.

Phần di sản không thuộc phần thừa kế của ông Phạm Ngọc L, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Quốc H, ông Phạm Văn T được miễn.

Ông Phạm Quốc C phải chịu 3.000.000 (ba triệu) đồng.

3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Phạm Ngọc L không phải chịu, hoàn trả số tiền 300.000 đồng cho ông L theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008640 ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã PL, tỉnh Bình Phước.

4. Chi phí tố tụng:

Bà Phạm Thị Cẩm V, ông Phạm Văn T, ông Phạm Quốc H, Phạm Quốc C mỗi người phải có nghĩa vụ trả (thanh toán) lại cho nguyên đơn – ông Phạm Ngọc L tiền chi phí xem xét, thẩm định tài sản tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp là 2.775.000 (hai triệu, bảy trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng.

5. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS thị xã PL;
- TAND, VKSND thị xã PL;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tiến Hiệp